

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/04/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD-TD2+P7	7.25	1+11+11	0+0		0+4+18	0+0	
2		TTC2+P3+TD2	7.25	5+3+14	0+0+0		0+0+22	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2019	TO: TTC2 - P3 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Thanh - Nam - DTùng	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANATOLI GLYBOVSKI	TTC2	96	1	8		80	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN THE HOI	TTC2	97	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NGUYEN TRUNG THANH	TTC2	94	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
4	TA TRUNG DUNG	TTC2	95	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LUONG ANH TUAN	TTC2	98	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TUAN LONG	P3	67	1	7	40	60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC TUAN	P3	66	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
8	LE TRUONG LAM	TD2	93	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
9	DANG VAN DAO	TD2	74-75	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
10	LE DUC THO	TD2	01	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM DINH LO	TD2	73	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN BA HUNG	TD2	95	1	7		80	DVL	Vietnamese
13	DO THANH HAI	TD2	99	1	6		67	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TIEN	TD2	94	1	4		70	DVL	Vietnamese
15	HOANG MANH HUNG	TD2	98	1	4	60	82	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYEN DAI DUONG	TD2	96	1	4		75	GETRACO	Vietnamese
17	DUONG VAN PHI	TD2	02	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TUAN	TD2	99	1	8		65	GETRACO	Vietnamese
19	NGO TRUNG TRUC	TD2	100	1	6		50	GETRACO	Vietnamese
20	TRAN DUC THE	TD2	72	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
21	DINH ANH DUNG	TD2	500	1	3		76	GETRACO	Vietnamese
22	TRUONG THANH TUNG	TD2	97	1	5		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	5	34	370	0	0		
2	P3	2	2	13	142	40	0		
3	TD2	15	16	92	1.047	60	22		
TOTAL		22	23	139	1.559	100	22		
WEIGHT KG				139	1.559	100			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2019	TO: PPD - TD2 - P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH KHOA	PPD	98	1	4		74	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HAI	TD2	02	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
3	QUACH VAN THAO	TD2	04-05	2	10		75	YTE	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	03	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THỌ	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ ANH QUÂN	TD2	01	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	06	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	09	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	07	1	2		79	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	08	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN BA LƯỢNG	P7	//				67	KHOAN	Vietnamese
13	BUI NGỌC LÂM	P7	43	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG*PVDI	P7	47	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ VĂN DOANH	P7					69	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN PHAN	P7	46	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN KHOAN*PK-PVD	P7	44	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG HẠO	P7	49	1	5	15	85	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN QUYẾT TIẾN	P7	41	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CHÂN	P7	42	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ NGỌC LUÂN	P7	45	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
22	MAI TUẤN KIẾT	P7	48	1	8		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	1	1	4	74	0	0		
2	TD2	10	9	37	735	0	4		
3	P7	11	9	56	768	15	18		
TOTAL		22	19	97	1.577	15	22		
WEIGHT KG				97	1.577	15			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/04/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+CTK3	7:25	20+2	0+0		19+3	0+0	
2		PPD+PVD6	7:25	22+0	0+0		2+20	0+0	
3		VSP01+CLO	7:25	11+11	0+0		10+12	0+0	
4		P4+CNV+PPD	7:25	20+2+0	0+0+0		16+0+6	0+0+0	
5		P8+RP2+TD1	7:25	8+0+14	0+0+0		3+5+14	0+0+0	
6		TD3	9:25	21	0		22	0	
7		TD5+PVD6	9:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
8		TTC3+JS2	9:25	9+13	0+0		7+15	0+0	
9		TTC2+P6	9:25	9+13	0+0		6+16	0+0	
10		CLO	9:25	22	0		22	0	
11		P6+P4	11:25	16+6	0+0		9+13	0+0	
12		RP3+RP1+PPD	11:25	11+2+9	0+0+0		10+3+9	0+0+0	
13		AMD+P4+P3	11:25	17+4+1	0+0+0		13+6+3	0+0+0	
14		BK16+P8	11:25	4+17	0+0		0+22	0+0	
15		TD1+ CLO+PPD	11:25	11+9	0+0		4+18	0+0	
16		AMD+TTC3+TTC2	13:25	20+2+0	0+0+0		13+6+3	0+0+0	
17		RC4+RC3+BK10	13:25	1+8+7	0+0+0		0+12+7	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/PPD-4 NGUOI ĐI VỀ TRONG NGÀY; P4 -3 NGUOI ĐI VỀ TRONG NGÀY; TTC2-3NG, TTC3-4 NGUOI ĐI VỀ TRONG NGÀY
2/ BK8- 4 NGUOI VỀ QUA CLO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: VSP01 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRICHENKOV I.U.V.	VSP01	49	1	7	50	70	KH-THAC	Russian
2	PASKEVICH V.V.	VSP01	53	1	10		100	KH-THAC	Russian
3	VUONG VAN THONG	VSP01	45-47	3	15		70	YTE	Vietnamese
4	TRUONG HIEN	VSP01	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THANH PHU	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BACH HA	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA BANG	VSP01	48	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
8	GURIN V.V.	VSP01	77	1	5		98	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN DUY BINH	VSP01	52	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUC THONG	VSP01	54	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH TRONG KIM	VSP01	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM HUY BINH	VSP01	51	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN MIT	VSP01	56	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC BE	VSP01	76	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH VAN THON	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO XUAN DUC	VSP01	55	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG NAM	VSP01	43-44	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN XUAN THUY	VSP01					82	KH-THAC	Vietnamese
21	DANG THANH HOANG	CTK3	55	1	5	62	67	SBAY	Vietnamese
22	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	20	17	96	1.513	50	19		
2	CTK3	2	2	10	137	62	3		+ 1 NB CTK3 VC
TOTAL		22	19	106	1.650	112	22		
WEIGHT KG				106	1.650	112			

GRAND TOAL: 1.868 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

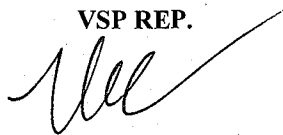
DATE: 16/04/2019	TO: PPD - PVD6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: N.Thắng - Phong - N.Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

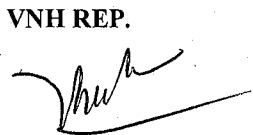
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	PPD				130	74	D-HANH	Vietnamese
2	HOANG VAN TAM	PPD	18-19	2	10		82	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THẮNG	PPD					78	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG HUY	PPD	20-21	2	15		71	CODIEN	Vietnamese
5	KYREEV	PPD	28	1	5		88	NIPI	Russian
6	PHÙNG PHU SỬA	PPD	25	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO ĐỨC QUÂN	PPD	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	PPD	23	1	6		52	CODIEN	Vietnamese
9	LƯƠNG ĐỨC GIANG	PPD	10	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THANH	PPD	26-27	2	15		57	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					80	KHI	Vietnamese
12	LAM QUANG NAM	PPD	16	1	7		80	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	300	1	9		72	KHI	Vietnamese
14	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	12	1	6		67	KHI	Vietnamese
15	BUI THANH HAI	PPD	99	1	3		62	KHI	Vietnamese
16	ĐO MINH ĐỨC	PPD	98	1	9		79	KHI	Vietnamese
17	PHAN VĂN TUNG	PPD	15	1	9		75	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	14	1	4		82	KHI	Vietnamese
19	VÔ TÁ QUANG	PPD	24	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	11	1	5		62	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN VỊNH	PPD	17	1	5		75	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	13	1	4		67	KHI	Vietnamese

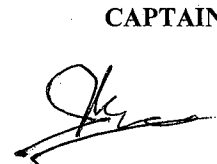
FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	22	138	1.586	130	1		
2	PVD6	0	0	0	0	0	21		
TOTAL		22	22	138	1.586	130	22		
WEIGHT KG				138	1.586	130			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.


VNH REP.


CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2019	TO: VSP01 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Vậ - TRƯỞNG - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	88	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN BA NGOC	VSP01	80	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH THANG	VSP01	79	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NGUYEN QUANG	VSP01	85	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN VIET ĐANG	VSP01	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN ANH TUAN	VSP01	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN TOAN	VSP01	87	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN TRUONG	VSP01	82	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THUY	VSP01	81	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	89	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
11	LE MANH HUNG	VSP01	83	1	5		76	ANTOAN	Vietnamese
12	BUI DUC LUAN	CLO	63	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
13	TOIB R.R	CLO	58	1	8	35	98	KHOAN	Russian
14	DENIS RUBAYLO	CLO	57	1	10		98	KHOAN	Russian
15	FOK S.I	CLO	60	1	7		124	KHOAN	Russian
16	SHERBAKOV	CLO	59	1	10		92	KHOAN	Russian
17	HOANG VAN TRUNG	CLO	61	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DUY NAM	CLO	64	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN VINH	CLO	65	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	ĐAU VAN MINH	CLO	62	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN GIA THAO*PK-PVD	CLO	66	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN QUANG HUY	CLO	67	1	5		73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	11	11	50	718	0	10		
2	CLO	11	11	63	915	35	12		
TOTAL		22	22	113	1.633	35	22		
WEIGHT KG				113	1.633	35			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: P4 - CNV - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - Vũ	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ QUỐC VIỆT	P4	57	1	2		60	KHI	Vietnamese
2	BONDARENKO	P4					100	KHI	Russian
3	KUSHCHENCO R.M.	P4					116	KHI	Russian
4	NGUYỄN VĂN CÔNG	P4					78	KHI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	71	1	10		75	KHI	Vietnamese
6	LÊ VĂN HUƠNG	P4	65	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	72	1	5		85	KHI	Vietnamese
8	SUDAKOV A.A	P4	54-55	2	9		110	KHI	Russian
9	ĐOÀN VĂN AI	P4	59	1	2		63	PSV	Vietnamese
10	ANSEROV V.R	P4					80	KH-THAC	Russian
11	VŨ BẢO AN	P4	58	1	3	60	75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	P4	56	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH CUƠNG	P4	60-61	2	14		75	KHI	Vietnamese
14	BUI HỮU LAN	P4	67	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	LÊ TRUNG LAM	P4	66	1	3		67	KHI	Vietnamese
16	HOANG THAI DUƠNG	P4					73	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	63	1	4		67	KHI	Vietnamese
18	LÊ NGỌC KỲ	P4	64	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	HOANG HUY TIỀN	P4	53	1	6		55	KHI	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	62	1	8		67	KHI	Vietnamese
21	TRẦN ĐUƠNG	CNV	73	1	12	40	63	CODIEN	Vietnamese
22	HÀ QUANG HUY	CNV	74-75	2	16		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	17	86	1.531	60	16		
2	CNV	2	3	28	133	40	0		
3	PPD	0	0	0	0	20	6		
TOTAL		22	20	114	1.664	120	22		
WEIGHT KG				114	1.664	120			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: P8 - RP2 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 09:35
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC THẮNG	P8	500	1	12	20	70	YTE	Vietnamese
2	LAZZAREV	P8	32	1	7		82	KH-THAC	Russian
3	HUYNH CHANH PHAT	P8	35	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	33	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG HIỂN	P8					73	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TUẤN ANH	P8	36	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG VĂN QUYẾT	P8	37	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN TÂN	P8	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	KROHALEV M.A	TD1	84	1	4		84	KHOAN	Russian
10	PHẠM HOÀ VIỆT	TD1	98-99	2	11		65	YTE	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	89	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH THUY	TD1					63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN DŨNG*KT	TD1	88	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
14	ĐO NGUYỄN GIÁP*PK-PVD	TD1	86	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ VĂN NAM*PK-PVD	TD1	94	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	92	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	87	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ MẠNH HẢI	TD1	90	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
19	TRINH CAO TRỌNG	TD1	91	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
20	BUI NGỌC QUANG	TD1	93	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD1	85	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	TD1	95-96	2	14	25	90	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	8	7	43	551	20	3		
2	RP2	0	0	0	0	40	5		
3	TD1	14	15	76	988	25	14		
TOTAL		22	22	119	1.539	85	22		
WEIGHT KG				119	1.539	85			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TRUNG	TD3	53	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TUNG	TD3	56-57	2	17		65	YTE	Vietnamese
3	BUI DUC ANH	TD3	67	1	5		70	PSV	Vietnamese
4	KHAERDINOV VITALY	TD3	47	1	7		75	KHOAN	Russian
5	NGUYEN MINH TIEN	TD3	62	1	7		100	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN CHAU	TD3	43-44	2	10		67	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN NGOC TUAN	TD3	46	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGO DUY THANH	TD3	50	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TUAN	TD3	48-49	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DINH QUY	TD3	51	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN MINH	TD3	58	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN CONG MINH	TD3	59	1	15		72	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN CANH THAC	TD3	52	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUU NHAN	TD3	45	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG VIET	TD3	65	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC DOAN-PVDT	TD3	55	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
17	VU TRONG NGHIA	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
18	SALAKHOV	TD3	66	1	10		90	ANTOAN	Russian
19	TRAN THAI AN	TD3	54	1	5		80	DVL	Vietnamese
20	TRAN VAN GIANG	TD3	63	1	10		72	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VAN NAM	TD3	64	1	15		75	DVL	Vietnamese
22	PHAM HAI DANG	TD3	60-61	2	17		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

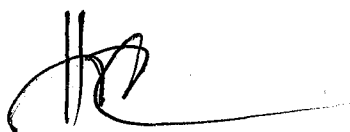
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	25	180	1.571	0	22		
	TOTAL	22	25	180	1.571	0	22		
	WEIGHT KG			180	1.571	0			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2019	TO: TD5 - PVD6	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: N.Thắng - Phong - N.Nam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BẠCH TÙNG	TD5	53	1	5	55	78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VIÊN*TT	TD5	56	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
3	ALEKHIN	TD5	52	1	12		100	KHOAN	Russian
4	LÊ THANH LAM	TD5					69	KHOAN	Vietnamese
5	PHUNG NGUYỄN NGỌC	TD5	51	1	5		91	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM TUÂN VIỆT	TD5	59	1	12		88	NHA THAU	Vietnamese
7	ĐOÀN CAO DANH	TD5	64	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
9	TU DƯƠNG DUNG	TD5	47	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO HOANG	TD5	50	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	65	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	46	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HOAN	TD5	54	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
14	MUSTAFA*MC-PVD	TD5	48	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HAI-PVDT	TD5	57	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
16	TÔ THANH HUNG	TD5	55	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HOA	TD5	43-44	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM XUAN HAI	TD5	45	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN HUYNH LAM	TD5	49	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
20	VÔ NGUYỄN KHANG	TD5	58	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
21	SIDORSKY	TD5	60	1	10		94	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	20	142	1.595	55	16		
2	PVD6	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		21	20	142	1.595	55	22		
WEIGHT KG				142	1.595	55			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: TTC3 - JS2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BRANCHUCKOV	TTC3	06	1	2		75	D-HANH	Russian
2	NGUYEN VAN VIEN	TTC3	03	1	2		72	D-HANH	Vietnamese
3	KRAPIVKA	TTC3	18	1	2		87	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN VAN LAM	TTC3	04	1	4		88	ANTOAN	Vietnamese
5	BACH ANH TUAN	TTC3	07	1	4	35	66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN TRỌNG HIẾU	TTC3	16	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
7	LE ĐẠI THANH	TTC3	09	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU QUYNH AN	TTC3	02	1	7		105	KH-THAC	Vietnamese
9	LE NGOC TUAN	TTC3	05	1	8		77	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN THE TRA	JS2	32-34	3	25		68	KHOAN	Vietnamese
11	BONIFACIO MURZELLO	JS2	36-37	2	18		75	KHOAN	Indian
12	DƯƠNG QUỐC VIỆT	JS2	41	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGO VAN SON	JS2	30	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
14	LE HUYNH TRUNG	JS2	31	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH VĂN THANH	JS2	39	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TRUNG THUY	JS2	38	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG LONG HAI	JS2	40	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HẠ	JS2	44	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NI KI TIN, D.I	JS2	42	1	7		85	KH-THAC	Russian
20	NGUYỄN HOANG SON	JS2	28	1	5		70	DVL	Vietnamese
21	NGO THANH SON	JS2	29	1	8		74	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN QUYNH	JS2	43	1	3		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	9	9	35	688	35	7		
2	JS2	13	16	109	958	50	15		
TOTAL		22	25	144	1.646	85	22		
WEIGHT KG				144	1.646	85			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: TTC2 - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - Vũ	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU MINH HUNG	TTC2	50	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN THANG	TTC2					70	NIPI	Vietnamese
3	NHAM DIEN BIEN	TTC2					70	NIPI	Vietnamese
4	LUU THE ANH	TTC2	48	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN THUC	TTC2	45	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
6	TA MẠNH HUNG	TTC2	47	1	4	50	65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	46	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
8	OVCHARENKO	TTC2	44	1	7		84	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	49	1	5		74	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TAI	P6	33	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN ĐÔNG	P6	34	1	8		80	YTE	Vietnamese
12	VU ĐUC HOE	P6	25	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DINH SY	P6	36	1	10	67	68	KH-THAC	Vietnamese
14	VU THANH ĐO	P6	31	1	5	30	57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN CU	P6	32	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
16	MAI MẠNH KHANH CUONG	P6	35	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THIN	P6	29	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN KHUONG	P6	28	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN PHU	P6	30	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUY HUNG	P6	26	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN ĐOÀ	P6					57	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN XUAN QUANG	P6	27	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	9	7	34	648	50	6		
2	P6	13	12	68	868	97	16		
TOTAL		22	19	102	1.516	147	22		
WEIGHT KG				102	1.516	147			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2019	TO: CLO	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 11:45
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	20	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN ĐỖ	CLO	10	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẠO VIỆT VĂN	CLO	13	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN PHÚ	CLO	19	1	7		75	YTE	Vietnamese
5	VŨ MINH TÚ	CLO	07	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN MUỘI	CLO	06	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ DUY NGỌC	CLO	14	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
8	TÔ ANH TUẤN	CLO	17-18	2	13		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN PHÚ VINH	CLO	09	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN TUẤN	CLO	03	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CHÍ NGHIỆP	CLO	12	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN SỸ LONG	CLO	15	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHÓN	CLO	08	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	LÂM XUÂN TÚ	CLO	16	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VỊNH	CLO	11	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG DUY LÝ	CLO	01	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN SANG	CLO	04	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LỤC-PVDT	CLO	02	1	8		53	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN THẾ DŨNG	CLO	05	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THUẬT	CLO	22	1	11		73	DVL	Vietnamese
21	DANG TRỌNG THỨC	CLO	23	1	3		70	DVL	Vietnamese
22	VUÔNG KIẾN QUỐC	CLO	21	1	5		77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	23	132	1.493	0	22		
TOTAL		22	23	132	1.493	0	22		
WEIGHT KG				132	1.493	0			

GRAND TOAL: 1.625 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: P6 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - Trường	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG	P6	48	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO KIM SÂM	P6	46	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HUY THÔNG	P6	49	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÂM VĂN KHUÔNG	P6	51-52	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ VĂN SANG	P6	47	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HOANG TUNG	P6	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỒNG XUÂN PHÚ	P6	57-58	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN LỢI	P6	43	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI THỨC PHÚC	P6					65	KH-THAC	Vietnamese
10	KIỀU TUẤN ANH	P6	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ TRỌNG NGHĨA	P6	42	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	P6	55	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN SƠN	P6	50	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC DOANH	P6	45	1	4		75	GETRACO	Vietnamese
15	LE VĂN HẠNH	P6	44	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
16	TRẦN QUANG UY	P6	54	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU LUÂN	P4	78	1	10		65	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	P4	79-80	2	10		67	KHI	Vietnamese
19	PHAN HỒNG SƠN	P4	73-74	2	15		65	KHI	Vietnamese
20	BUI VĂN MƯỜI	P4	75	1	5	50	56	PSV	Vietnamese
21	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	76	1	5	25	65	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN THUẬT	P4	77	1	3		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

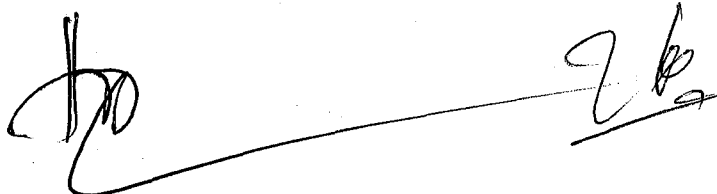
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	16	17	92	1.059	0	9		
2	P4	6	8	48	398	75	13		
TOTAL		22	25	140	1.457	75	22		
WEIGHT KG				140	1.457	75			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: RP3 - RP1 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - NNam	ETA: 13:35
VANG-3			

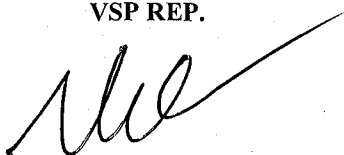
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM DUC TOAN LOC	RP3	30	1	10	21	80	KHI	Vietnamese
2	TRAN DUC THUAN	RP3	35	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH HOAI ĐỨC	RP3					71	KHI	Vietnamese
4	TU NGOC HAI	RP3	28-29	2	10		75	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TAN	RP3					66	KHI	Vietnamese
6	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	34	1	5		62	KHI	Vietnamese
7	LE ĐỨC VIỆT	RP3	36-37	2	10		71	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CU	RP3	38	1	5		57	KHI	Vietnamese
9	ĐUÔNG HỒNG QUÂN	RP3	32	1	4		70	KHI	Vietnamese
10	PHAM DUY DUNG	RP3					70	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	33	1	5		71	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN QUỐC BAO BINH	RP3	31	1	5		60	KHI	Vietnamese
13	HA VAN TRUONG	RP1	76	1	10	30	54	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐO CÔNG PHONG	RP1	500.86	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN HUU HAO	PPD	51	1	4	54	76	KHI	Vietnamese
16	DOAN VIET DIEP	PPD	56-57	2	8		58	KHI	Vietnamese
17	PHAM VAN MUNG	PPD	58	1	3		76	KHI	Vietnamese
18	LE MINH PHUNG	PPD	64	1	5		77	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HA	PPD	55	1	4		60	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	52-53	2	10		50	KHI	Vietnamese
21	PHAM HONG THAI	PPD	54	1	5		65	KHI	Vietnamese
22	DOAN DUY HUNG	PPD	60	1	7		90	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	12	11	58	838	21	10		
2	RP1	2	3	25	121	30	3		
3	PPD	8	10	46	552	54	9		
TOTAL		22	24	129	1.511	105	22		
WEIGHT KG				129	1.511	105			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

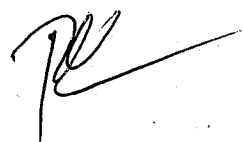
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: AMD - P4 - P3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - MQUÂN	ETA: 13:40
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ XUÂN HA	AMD	75	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG NGOC ANH	AMD	82-83	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH BICH NGOC	AMD	70-71	2	14		70	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN TRUONG THO	AMD	72	1	8		64	TLJOC	Vietnamese
5	PHUNG MINH HAI	AMD	73	1	8		73	HLJOC	Vietnamese
6	TRAN MINH KIEN	AMD	74	1	6		67	HLJOC	Vietnamese
7	TRAN THANH QUANG	AMD	69	1	10		76	TLJOC	Vietnamese
8	VU DINH HOP	AMD	77	1	10		81	TLJOC	Vietnamese
9	TRAN THANH CUONG	AMD	80-81	2	10		70	TLJOC	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC VINH	AMD	85	1	7	25	72	HLJOC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DUC	AMD	84	1	9	90	63	HLJOC	Vietnamese
12	DUONG MANH HIEN	AMD	86	1	8		62	HLJOC	Vietnamese
13	BUI XUAN TAO	AMD	76	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH KHANH	AMD	68	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN CONG DUNG	AMD	78	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM ANH NGU	AMD	79	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	SUKRU AKDEMIR	P4	88-89	2	19		94	KHI	Turkish
18	ALI TUTKUN	P4	90-91	2	8		72	KHI	Turkish
19	ENGİN DEĞİRMENCI	P4	94	1	18		90	KHI	Turkish
20	ERDİNC BULUT	P4	92-93	2	18		94	KHI	Turkish
21	ĐO VÂN TỰ	P3	04	1	7	10	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	16	19	127	1.103	115	13		
2	P4	4	7	63	350	0	6		
3	P3	1	1	7	70	10	3		
TOTAL		21	27	197	1.523	125	22		
WEIGHT KG				197	1.523	125			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: BK16 - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: Nam - CHIẾN - Vũ	ETA: 13:50
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HUY	BK16	23	1	13		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TAM	BK16	57	1	13		84	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI QUỐC CUÔNG	BK16	55	1	8	30	50	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THAI SƠN	BK16	56	1	9	80	65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐỨC	P8	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TIKHONOV	P8	40	1	5		93	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN HỮU DUNG	P8	47	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TIỀN	P8	43	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIỀN DUNG	P8	35	1	5	20	72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	49	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH VINH	P8	39	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	44	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG HAI HÀ	P8	20	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG TIỀN	P8	37	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P8	45	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	42	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG TRUNG HẬU	P8	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO ĐỨC THAI	P8	48	1	3		87	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC VĂN	P8	41	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU THANH	P8	46	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SƠN	P8	36	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	4	4	43	273	110	0		
2	P8	17	17	88	1.148	20	22		
TOTAL		21	21	131	1.421	130	22		
WEIGHT KG				131	1.421	130			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: TD1 - CLO - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: 15	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - CUÔNG	ETA: 13:55
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAKAROV	CLO	56	1	8		90	ANTOAN	Russian
2	NGUYEN HAM HA	CLO	72	1	5		63	DVL	Vietnamese
3	VU XUAN CANH	CLO	70	1	11		72	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG HOAN	CLO	73	1	10	48	75	DVL	Vietnamese
5	HOANG HUU THO	CLO	71	1	6		75	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN TRỌNG ĐẠI NGHIA	PPD	43	1	5		75	KHI	Vietnamese
7	TRAN SON HAI	PPD	41	1	6		72	KHI	Vietnamese
8	HUYNH NAM LONG	PPD	38	1	10		65	KHI	Vietnamese
9	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	40	1	5		67	KHI	Vietnamese
10	KHÔNG TIẾN DUNG	PPD	39	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	ARKHIPOV	PPD	42	1	12		105	ANTOAN	Russian
12	NGO VAN GIAO	PPD	44	1	5		90	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN ANH SON	PPD	37	1	5		67	KHI	Vietnamese
14	PHAM TU ANH	PPD	36	1	36		65	COKHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

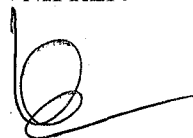
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	0	0	0	0	0	2		
2	CLO	5	5	40	375	48	1		
3	PPD	9	9	89	681	0	19		
TOTAL		14	14	129	1.056	48	22		
WEIGHT KG				129	1.056	48			

GRAND TOAL: 1.233 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2019	TO: AMD - TTC3 - TTC2	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
FLIGHT: 16	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - Trường	ETA: 15:40
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH VAN PHA	AMD	55	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN HUONG	AMD	54	1	6	40	71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DINH	AMD	48	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	VI TRAN TAN THUAN	AMD	51-52	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TAN	AMD	58	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DUC TAM	AMD	65	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DINH HIEU	AMD	50	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HUNG	AMD	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	DAO DUC HUY	AMD	49	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC HAU	AMD	57	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VINH QUANG	AMD	46-47	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH TAN	AMD	56	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
13	VU NGOC DUONG	AMD	64	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN VAN DUNG	AMD	45	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG HO NGHIA	AMD	62-63	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC THU	AMD	53	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN LAM	AMD	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THAI SON	AMD	67,94	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN CAO TUAN	AMD	66	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LE ANH TUAN	AMD	60	1	6	15	70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH SU	TTC3	17	1	5	5	66	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN MAI CUONG	TTC3					65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

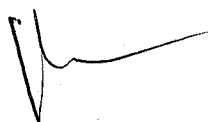
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	24	144	1.359	55	13		
2	TTC3	2	1	5	131	5	6		
3	TTC2	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	25	149	1.490	60	22		
WEIGHT KG				149	1.490	60			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

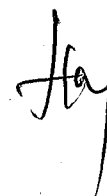
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2019	TO: RC3 - BK10	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:05
FLIGHT: 17	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - NNam	ETA: 15:45
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	QUAN HONG QUANG	RC3	03	1	9	17	67	XAYLAP	Vietnamese
2	LE VU QUANG LAM	RC3	04	1	8	25	60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN ANH TUAN	RC3	06	1	10	70	70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VAN CAO	RC3	05	1	6		56	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN BAY	RC3	01-02	2	19		55	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG HUY	RC3					47	XAYLAP	Vietnamese
7	LUONG THE HIEN	RC3	07	1	5		65	NIPI	Vietnamese
8	LUONG MINH KHUE	RC3	08	1	5		55	NIPI	Vietnamese
9	NGUYEN CONG KHOAI	BK10	34	1	11	38	61	XAYLAP	Vietnamese
10	LE TRONG VAN	BK10	32-33	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN VAN HE	BK10	38-39	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
12	HUYNH ĐỨC TAM	BK10	31	1	9		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN SY MY	BK10	40-41	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN HUU MINH	BK10	36-37	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN CHIEU	BK10	35	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	8	8	62	475	112	12		
2	BK10	7	11	99	456	38	7		
TOTAL		15	19	161	931	150	19		
WEIGHT KG				161	931	150			

GRAND TOAL: 1.242 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN